CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 349/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Chương I
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 214/2025/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 8 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐẤU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU (ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 165/2026/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2026 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 170/2026/NĐ-CP NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2026 CỦA CHÍNH PHỦ)

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 18

"d) Tối thiểu 01 báo giá của hàng hóa, dịch vụ; khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đơn vị quan tâm phải gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá. Trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá; khi xác định giá trung bình, trường hợp có báo giá hoặc hạng mục trong báo giá có giá cao hoặc thấp hơn 30% giá trung bình, chủ đầu tư có quyền loại trừ các báo giá này để xác định giá trung bình.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Đối với gói thầu mua thuốc; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho thiết bị y tế: trên cơ sở yêu cầu chuyên môn, chủ đầu tư quyết định các tiêu chí kỹ thuật và tổ chức lấy báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; khuyến khích đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến về quản lý thiết bị y tế; đơn vị quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp có từ 02 báo giá trở lên, chủ đầu tư được lựa chọn báo giá cao nhất phù hợp với khả năng tài chính và yêu cầu chuyên môn.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thu thập báo giá bảo đảm công khai, minh bạch. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

Trường hợp chủ đầu tư đã tuân thủ đầy đủ quy định về tổ chức thu thập báo giá, bảo đảm công khai, minh bạch thì chủ đầu tư không phải chịu trách nhiệm đối với việc đơn vị cung cấp vi phạm quy định về cung cấp báo giá tại điểm này.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 21

"2. Đối với gói thầu thuộc dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; dự án ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án, chủ đầu tư quyết định lựa chọn thành viên tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định bảo đảm có năng lực thực hiện công việc được giao mà không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều này, trừ trường hợp thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định là tư vấn cá nhân hoặc cá nhân thuộc tổ chức tư vấn đấu thầu.

2a. Trường hợp cần lấy ý kiến hoặc huy động chuyên gia chuyên ngành không thuộc nhân sự của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn đấu thầu thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35

"2. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật thông tin thay đổi, phát sinh về danh sách, phạm vi công việc và tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có).".

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 78

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 2 như sau:

"a) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay để bảo đảm hoàn thành tiến độ theo chỉ đạo tại: Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết của Quốc hội; Nghị quyết của Chính phủ; Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ; Nghị quyết của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Thường vụ Đảng ủy bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

b) Gói thầu thuộc dự án có yêu cầu thực hiện ngay nhằm bảo đảm kết nối, đồng bộ giữa các công trình thuộc dự án theo chỉ đạo tại: Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết của Quốc hội; Nghị quyết của Chính phủ; Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ; Nghị quyết của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Thường vụ Đảng ủy bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để đáp ứng yêu cầu về hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành công trình đồng bộ, liên tục;".

2. Bổ sung điểm e1 vào sau điểm e khoản 2 như sau:

"e1) Gói thầu đã đăng tải thông báo mời thầu, thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển nhưng xảy ra một trong các trường hợp sau đây: không có nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển; tất cả hồ sơ dự thầu không đáp ứng hồ sơ mời thầu; tất cả nhà thầu không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 như sau:

"g) Các gói thầu khác thuộc dự toán mua sắm, dự án đầu tư công và dự án khác cần áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn được nhà thầu thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, dự án, dự toán mua sắm.".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

"d) Gói thầu thuộc các dự án, nhiệm vụ mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số để triển khai, xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng: cơ sở dữ liệu quốc gia; các nền tảng số dùng chung quốc gia; các nền tảng phục vụ quản trị, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của bộ, cơ quan, địa phương; cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, cơ quan, địa phương; trung tâm giám sát, điều hành thông minh.".

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 01 tỷ đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 03 tỷ đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng.".

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

"c) Gói thầu tư vấn, thi công di dời các công trình thuộc hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hệ thống công trình hạ tầng xã hội theo quy định của pháp luật về xây dựng để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư; gói thầu tư vấn, rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công;".

7. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 5 như sau:

"e) Các gói thầu về quy hoạch, phục vụ hoạt động quy hoạch theo quy định của pháp luật;".

8. Bổ sung điểm i và điểm k vào sau điểm h khoản 5 như sau:

"i) Gói thầu mua sắm từ các hoạt động thanh lý, giải thể, phá sản;

k) Hàng hóa được mua thông qua giao dịch trên sàn giao dịch hàng hóa.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 79

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Gói thầu thuộc các trường hợp quy định tại điểm e1 khoản 2, các điểm d, đ, e, g và h khoản 5 và khoản 6 Điều 78 của Nghị định này được áp dụng quy trình chỉ định thầu thông thường.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Quy trình chỉ định thầu thông thường được thực hiện như sau:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu:

Hồ sơ yêu cầu được phê duyệt căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu (nếu có). Chủ đầu tư không bắt buộc thẩm định hồ sơ yêu cầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại Điều 135 của Nghị định này.

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có); tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng. Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại điểm này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, hỗn hợp được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt; sử dụng tiêu chí chấm điểm để đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu tư vấn. Hồ sơ yêu cầu được nêu ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có).

b) Phát hành, làm rõ, sửa đổi hồ sơ yêu cầu:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định một nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định nhà thầu này.

Nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm d, e khoản 1 và các điểm a, b khoản 2 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

Hồ sơ yêu cầu được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho nhà thầu dự kiến chỉ định. Việc làm rõ hồ sơ yêu cầu, sửa đổi hồ sơ yêu cầu được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày có thời điểm đóng thầu.

c) Nộp hồ sơ đề xuất, đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo với nhà thầu:

Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Hồ sơ đề xuất được mở sau thời điểm đóng thầu.

Việc đánh giá hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu; thương thảo về giá bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.

Trường hợp gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc gói thầu hỗn hợp EP, PC, EPC không có đủ dữ liệu để tham chiếu giá theo quy định tại các điểm a, c, đ, e và g khoản 2 Điều 18 của Nghị định này hoặc khi thấy cần thiết, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thuyết minh cơ cấu giá của hàng hóa để làm cơ sở thương thảo về giá trúng thầu.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: có hồ sơ đề xuất hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

d) Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Chủ đầu tư không bắt buộc phải thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 136 của Nghị định này. Việc phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này. Hồ sơ yêu cầu, biên bản mở thầu, báo cáo đánh giá được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đồng thời với thời điểm chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu.

đ) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Nghị định này.

Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế, các nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này được thực hiện trực tiếp giữa chủ đầu tư và nhà thầu mà không phải thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.".

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 80

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của Nghị định này, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan trực tiếp quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có khả năng thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều này. Việc gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu không phải thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và việc thực hiện chỉ định thầu không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và các điểm a, b, c, i, k khoản 5 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, trừ gói thầu thuộc dự án đầu tư công đặc biệt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 78 của Nghị định này.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 như sau:

"a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu:

Chủ đầu tư căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với gói thầu quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó. Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng trực tiếp đến nhà thầu. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác.

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm d, e khoản 1 và các điểm a, b khoản 2 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

b) Hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế; đối với gói thầu xây lắp thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm tiết kiệm tối thiểu 5% giá gói thầu.

Trường hợp gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc gói thầu hỗn hợp EP, PC, EPC không có đủ dữ liệu để tham chiếu giá theo quy định tại các điểm a, c, đ, e và g khoản 2 Điều 18 của Nghị định này hoặc khi thấy cần thiết, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thuyết minh cơ cấu giá của hàng hóa để làm cơ sở thương thảo về giá trúng thầu.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33 của Nghị định này.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 100 triệu đồng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, không phải thực hiện quy trình quy định tại khoản 3 Điều này nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc được thực hiện theo quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này.".

5. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

"6. Đối với gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình thông thường đồng thời thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình rút gọn thì chủ đầu tư được lựa chọn áp dụng quy trình quy định tại khoản 3 Điều 79 của Nghị định này hoặc khoản 3 Điều này.".

Điều 7. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 4 Điều 84

1. Bãi bỏ điểm b.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

"c) Lựa chọn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, các biện pháp khác ảnh hưởng đến lợi ích thương mại của Việt Nam tại nước ngoài, cơ quan tài phán, cơ quan giải quyết tranh chấp trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế;".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

"d) Gói thầu mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế; mua vé máy bay cho đoàn khách quốc tế vào Việt Nam tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế do phía Việt Nam đài thọ;".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm n như sau:

"n) Gói thầu cung cấp suất ăn, bữa ăn học đường hoặc mua lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào để thực hiện việc cung cấp suất ăn, bữa ăn học đường cho học sinh bán trú, nội trú tại cơ sở giáo dục công lập; gói thầu cung cấp suất ăn cho vận động viên, huấn luyện viên tại các cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao hoặc suất ăn phục vụ các đại hội thể thao trong nước, quốc tế, tổ chức tại Việt Nam; mua lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

đầu vào để thực hiện việc cung cấp suất ăn cho vận động viên, huấn luyện viên tại các cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao hoặc cho người cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy, người bị tạm giam, tạm giữ tại các cơ sở giam giữ, phạm nhân tại các cơ sở giam giữ phạm nhân, trại viên tại các cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh tại các trường giáo dưỡng hoặc cho các đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cho người có công được nuôi dưỡng, điều dưỡng tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

Gói thầu mua nguyên vật liệu đầu vào để tổ chức sản xuất, gia công bảo đảm chế độ mặc và tư trang cho phạm nhân tại cơ sở giam giữ phạm nhân, trại viên tại cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh tại trường giáo dưỡng;".

5. Bổ sung các điểm t1, t2, t3, t4 vào sau điểm t và sửa đổi, bổ sung điểm u như sau:

"t1) Gói thầu cung cấp dịch vụ bưu chính để tống đạt giấy tờ của nước ngoài theo pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự;

t2) Gói thầu cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ theo cơ chế Phiếu hỗ trợ (Voucher) hoặc công cụ hỗ trợ tương tự thuộc chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

t3) Gói thầu cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân;

t4) Tuyển dụng, giới thiệu và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; cung cấp dịch vụ về nhà, đất đối ngoại theo hình thức hỗ tương và hình thức giao sử dụng nhà, đất không phải trả tiền; tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; thuê dịch vụ phục vụ hoạt động đối ngoại và các nhiệm vụ có yêu cầu đặc biệt về an ninh, đối ngoại;

u) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm khác có một hoặc một số điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, t1, t2, t3 và t4 khoản này.".

Điều 8. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 85

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 1 như sau:

"1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t3, t4 và u khoản 4 Điều 84 của Nghị định này, chủ đầu tư thực hiện như sau:".

2. Bãi bỏ khoản 3.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 84 của Nghị định này:

a) Đối với đoàn đi công tác quốc tế, việc mua vé máy bay chuyến bay quốc tế cho đoàn khách quốc tế vào Việt Nam tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế do phía Việt Nam đài thọ, căn cứ kế hoạch công tác và hành trình bay được duyệt, cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay lấy tối thiểu 02 báo giá của 02 đại lý bán vé máy bay khác nhau (hoặc báo giá của 01 đại lý bán vé máy bay của ít nhất 02 hãng hàng không khác nhau, trong đó có hãng hàng không quốc gia Việt Nam) với cùng hành trình bay để xem xét, so sánh và lựa chọn đơn vị cung cấp vé máy bay trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu: đường bay trực tiếp, phù hợp với lịch công tác; tổng các khoản chi tiền vé (bao gồm các khoản thuế và phụ phí), tiền đi đường, tiền chờ đợi tại sân bay thấp nhất. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay ký hợp đồng với nhà cung cấp bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp thay đổi đường bay do nhu cầu công tác thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí quyết định việc mua vé trên cơ sở đề nghị của trưởng đoàn công tác;

b) Đối với đoàn đi công tác trong nước, việc mua vé máy bay chuyến bay nội địa Việt Nam cho đoàn khách quốc tế vào Việt Nam tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế do phía Việt Nam đài thọ:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay ký hợp đồng với nhà cung cấp bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Việc mua vé máy bay theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.".

4. Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 8 như sau:

"8. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các điểm g, h và t1 khoản 4 Điều 84 của Nghị định này, chủ đầu tư hoặc Hội đồng định giá tài sản (trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giao kinh phí cho Hội đồng định giá tài sản) thực hiện theo quy trình sau:".

5. Bổ sung khoản 8a vào sau khoản 8 như sau:

"8a. Đối với gói thầu mua sắm cơ sở dữ liệu pháp luật quốc tế và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế thuộc trường hợp quy định tại điểm m khoản 4 Điều 84 của Nghị định này, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu, không phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật.".

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

6. Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 như sau:

"10. Đối với trường hợp quy định tại điểm t2 khoản 4 Điều 84 của Nghị định này:

a) Cơ quan hỗ trợ xây dựng, công bố công khai tiêu chí đánh giá, điều khoản tham chiếu, cơ chế kiểm soát chất lượng, quy trình tiếp nhận hồ sơ, đánh giá năng lực của bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ; xác định danh sách bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ theo cơ chế Phiếu hỗ trợ (Voucher); chỉ lựa chọn vào danh sách các bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ có năng lực, kinh nghiệm tốt;

b) Cơ quan hỗ trợ đàm phán hợp đồng nguyên tắc cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với các bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở các tiêu chí, điều khoản tham chiếu, cơ chế kiểm soát chất lượng quy định tại điểm a khoản này;

c) Cơ quan hỗ trợ hoàn thiện, ký hợp đồng nguyên tắc với bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ.".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 98

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 1 như sau:

"1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 25, 26, 27, 33, 37, 38, 39, 46, 62, 63, 64, 72, 81 và 101 của Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 25, 26, 37, 38, 62 và 63 của Nghị định này. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 25, 28, 37, 40, 62, 65, 81 và 101 của Nghị định này. Hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu được đánh giá hợp lệ khi nhà thầu không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống. Hồ sơ dự thầu hoặc bất kỳ tài liệu nào được nhà thầu gửi chủ đầu tư sau thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung hồ sơ dự thầu đã nộp đều không hợp lệ và không được xem xét, trừ tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư.".

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 106

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc nhóm công nghệ chiến lược của các ngành, lĩnh vực; các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm; các dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, quốc phòng, an ninh, đào tạo nhân lực gắn với chuyển giao công nghệ;".

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 2 như sau:

"e) Hàng hoá, dịch vụ, công trình được đặt hàng để thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Tổ chức đặt hàng quy định tại khoản 2 Điều 107 Nghị định này quyết định hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 2 Điều này.".

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 và bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 109

"6. Công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng đặt hàng và thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng, trừ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước:

a) Tổ chức đặt hàng công khai thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, gồm: tiến độ thực hiện; chất lượng hàng hóa, dịch vụ; vi phạm hợp đồng đặt hàng và lý do vi phạm; các thông tin khác (nếu cần thiết). Thời gian đăng tải có thể trong hoặc sau thời gian thực hiện hợp đồng nhưng không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng đặt hàng;

b) Tổ chức đặt hàng công khai thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng theo hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 của Nghị định này. Thời gian công khai là sau thời gian thực hiện hợp đồng nhưng không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng đặt hàng.

7. Việc đặt hàng quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 2 Điều 106 của Nghị định này không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.".

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 117

"2. Chi phí trong nước là các chi phí liên quan đến việc thực hiện gói thầu phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam và phải được thanh toán bằng đồng Việt Nam. Chi phí ngoài nước là các chi phí liên quan đến việc thực hiện gói thầu phát sinh bên ngoài lãnh thổ Việt Nam và được thanh toán bằng đồng tiền nước ngoài hoặc đồng Việt Nam theo quy định trong hợp đồng.".

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 131

1. Bổ sung điểm k vào sau điểm i khoản 2 như sau:

"k) Đối với gói thầu có tính chất quan trọng, trọng điểm thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và b1 khoản 3 Điều này, ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i khoản này, nội dung giám sát gồm: tiến độ,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

kết quả của việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu; đánh giá kết quả việc áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng.".

2. Bổ sung điểm b1 vào sau điểm b khoản 3 như sau:

"b1) Hàng hóa, dịch vụ thuộc dự án được áp dụng đặt hàng;".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

"đ) Gói thầu không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, b1, c và d khoản này nhưng người có thẩm quyền quyết định thực hiện giám sát (nếu cần thiết).".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau:

"c) Báo cáo kết quả giám sát: cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát báo cáo người có thẩm quyền về kết quả giám sát và công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp với quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan, cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát phải đề xuất người có thẩm quyền về biện pháp xử lý, bảo đảm tiến độ, hiệu quả của gói thầu.".

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 132

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Cơ quan giám sát thường xuyên của bộ, ngành, địa phương:

Đơn vị được bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương giao thực hiện chức năng tham mưu quản lý nhà nước về đấu thầu, Sở Tài chính (sau đây gọi là cơ quan giám sát thường xuyên) thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu trên địa bàn, lĩnh vực quản lý của bộ, ngành, địa phương;

b) Giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu của doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn, lĩnh vực quản lý của bộ, ngành, địa phương.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này:

a) Cơ quan giám sát thường xuyên tiếp nhận, theo dõi, tổng hợp thông tin phục vụ công tác giám sát từ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, báo cáo của chủ đầu tư, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân và các nguồn thông tin hợp pháp khác;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Trên cơ sở thông tin quy định tại điểm a khoản này, cơ quan giám sát thường xuyên thông báo chủ đầu tư về các dấu hiệu bất thường có nguy cơ ảnh hưởng đến tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả hoặc tiến độ thực hiện gói thầu, dự án;

c) Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về đấu thầu, cơ quan giám sát thường xuyên yêu cầu chủ đầu tư rà soát, xử lý theo thẩm quyền và báo cáo kết quả thực hiện trong thời hạn quy định; thành lập Đoàn giám sát để thực hiện giám sát theo vụ việc trong trường hợp cần thiết;

d) Căn cứ kết quả giám sát, trường hợp xác định có tồn tại, sai sót thì cơ quan giám sát thường xuyên yêu cầu chủ đầu tư khắc phục, chấn chỉnh; trường hợp xác định có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì kiến nghị hoặc yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật;

đ) Cơ quan giám sát thường xuyên công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia các thông tin về kết quả giám sát và việc thực hiện kết quả giám sát, bao gồm: yêu cầu khắc phục, chấn chỉnh; kết quả thực hiện yêu cầu khắc phục, chấn chỉnh của chủ đầu tư; nội dung kiến nghị hoặc yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm; các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

5. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này như sau:

a) Định kỳ hằng quý, các đơn vị cập nhật thông tin về hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu theo mẫu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho cơ quan giám sát thường xuyên;

b) Cơ quan giám sát thường xuyên tiếp nhận các thông tin quy định tại điểm a khoản này hoặc các thông tin kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân được gửi đến (nếu có) để tổng hợp, theo dõi và đưa ra khuyến nghị các biện pháp cần thiết để tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu;

c) Cơ quan giám sát thường xuyên tổ chức Đoàn giám sát để thực hiện giám sát đối với các hoạt động lựa chọn nhà thầu khi có dấu hiệu không đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.".

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 138

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

"a) Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị về hồ sơ mời thầu đến chủ đầu tư trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu tham dự thầu gửi đơn kiến nghị các nội dung khác về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đến chủ đầu tư trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

gia. Thông tin nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Trường hợp nhà thầu, cơ quan, tổ chức không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc hết thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu, cơ quan, tổ chức có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Việc giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo một trong hai quy trình sau đây:

a) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin của nhà thầu gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc quá thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập. Bộ phận thường trực có trách nhiệm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết kiến nghị được ban hành;

b) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập. Bộ phận thường trực có trách nhiệm đăng tải

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết kiến nghị được ban hành.

Trường hợp nhà thầu gửi đơn kiến nghị đồng thời đến bộ phận thường trực và chủ đầu tư thì trách nhiệm giải quyết kiến nghị thuộc Hội đồng giải quyết kiến nghị.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Đối với việc giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền, chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải văn bản giải quyết kiến nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền.".

4. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 như sau:

"8. Đối với kiến nghị có nhiều nội dung phức tạp, Hội đồng giải quyết kiến nghị có thể quyết định kéo dài thời gian giải quyết kiến nghị tối đa 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn giải quyết kiến nghị theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.".

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 140

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 4 như sau:

"4. Trường hợp tại thời điểm đóng thầu không có nhà thầu tham dự thầu thì chủ đầu tư được áp dụng chỉ định thầu theo quy định tại điểm e1 khoản 2 Điều 78 của Nghị định này hoặc quyết định xử lý theo một trong các cách sau đây:".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

"b) Gia hạn thời điểm đóng thầu tối thiểu là 05 ngày làm việc đối với gói thầu đang thực hiện mời quan tâm, mời sơ tuyển, gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ được tổ chức đấu thầu trong nước; gia hạn thời điểm đóng thầu tối thiểu là 10 ngày đối với gói thầu khác;".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 25 như sau:

"25. Trong quá trình nhà thầu thực hiện hợp đồng tại các gói thầu mà nhân sự của nhà thầu (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự để cho nhà thầu đó trúng thầu thì chủ đầu tư phải chấm dứt hợp đồng với nhà thầu và tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu; nhà thầu chỉ được thanh toán đối với các phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu theo quy định trong hợp đồng.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Nhà thầu bị coi là không hoàn thành hợp đồng và bị đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; trong thông báo phải nêu rõ lý do vi phạm dẫn tới phải chấm dứt hợp đồng; đối với phần công việc chưa thực hiện, chủ đầu tư tiến hành chỉ định thầu theo quy định tại điểm đ khoản 20 Điều này hoặc tách thành gói thầu mới và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật.".

4. Bổ sung khoản 33a và khoản 33b vào sau khoản 33 như sau:

"33a. Trường hợp gói thầu chỉ có một nhà thầu tham dự thầu và có hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định của hồ sơ mời thầu đối với hạng mục hàng hóa là vật tư, thiết bị thông thường, thông dụng, sẵn có trên thị trường với tổng giá trị các hạng mục hàng hóa này trong giá gói thầu chiếm tỷ trọng không quá 1% giá gói thầu thì chủ đầu tư xem xét, quyết định cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế các hàng hóa đó. Việc bổ sung, thay thế không được cao hơn đơn giá của hàng hóa đã chào.

33b. Trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, trường hợp thời gian đánh giá bị kéo dài dẫn đến hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu hết hiệu lực, chủ đầu tư được quyền yêu cầu nhà thầu khôi phục hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, bảo đảm dự thầu tương ứng. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận hoặc từ chối việc khôi phục hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, bảo đảm dự thầu thì hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu không được tiếp tục xem xét, đánh giá và không bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 34 như sau:

"34. Ngoài trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản 33b Điều này, khi phát sinh tình huống, chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.".

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 141

"2. Quản lý nhà thầu phụ:

a) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, chủ đầu tư quy định tỷ lệ phần trăm về giá trị tối đa sử dụng nhà thầu phụ trên giá dự thầu, giá hợp đồng trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Nhà thầu được đề xuất các phần công việc, giá trị phần công việc sử dụng nhà thầu phụ, tên nhà thầu phụ trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, việc đề xuất phải bảo đảm không vượt giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu chưa xác định được tên nhà thầu phụ dự kiến thực hiện thì nhà thầu có thể không nêu tên nhà thầu phụ nhưng phải nêu rõ phần công việc, giá trị phần công việc sử dụng nhà thầu phụ trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. Phần công việc có thể là một hoặc nhiều hạng mục công việc hoặc một phần khối lượng trong hạng mục công việc của gói thầu;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thực hiện công việc quan trọng của gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, việc đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt được thực hiện theo quy định nêu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt;

c) Trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu phải thống nhất mức tỷ lệ phần trăm sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu được đề xuất thay đổi tên nhà thầu phụ, tăng hoặc giảm phần công việc, giá trị phần công việc sử dụng nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhưng bảo đảm không vượt tỷ lệ phần trăm về giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu để làm cơ sở ký kết hợp đồng;

d) Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ thuộc danh sách các nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hợp đồng hoặc các nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để thực hiện các công việc dự kiến sử dụng nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hợp đồng. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện;

đ) Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) hoặc thay đổi phần công việc, giá trị phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và phải bảo đảm không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; chủ đầu tư không đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt), nhà thầu chịu trách nhiệm lựa chọn, sử dụng nhà thầu phụ có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Đối với nhà thầu liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm dành cho nhà thầu phụ được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thỏa thuận liên danh, hợp đồng đã ký kết;

e) Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ cho nhà thầu phụ theo đúng thỏa thuận giữa nhà thầu với nhà thầu phụ;

g) Nhà thầu không được sử dụng hoặc ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần công việc thuộc trách nhiệm của mình sau khi đã trừ đi giá trị phần công việc tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

h) Nhà thầu được ký hợp đồng để mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng, máy móc, thiết bị, thuê thiết bị thi công, nhân sự từ các nhà cung cấp, cá nhân để thực hiện gói thầu. Trong trường hợp này, các nhà cung

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

cấp, cá nhân không phải là nhà thầu phụ, phần công việc và giá trị phần công việc này không bị tính vào giá trị công việc sử dụng nhà thầu phụ và không bị coi là vi phạm quy định tại điểm g khoản này.".

Điều 18. Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1 Điều 146

"đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trong đấu thầu.".

Điều 19. Thay thế, bãi bỏ các cụm từ

1. Thay thế các cụm từ tại khoản 1 Điều 85 như sau:

a) Thay thế cụm từ "Đối với trường hợp quy định tại điểm n khoản 4 Điều 84 của Nghị định này, trường hợp cơ sở giáo dục công lập, cơ sở cai nghiện ma tuý, cơ sở giam giữ trong lực lượng vũ trang tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư và tại vùng biên giới, hải đảo" thành cụm từ "Đối với trường hợp quy định tại điểm n khoản 4 Điều 84 của Nghị định này, trường hợp cơ sở giáo dục công lập, cơ sở cai nghiện ma tuý, cơ sở giam giữ trong lực lượng vũ trang, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư và tại vùng biên giới, hải đảo".

b) Thay thế cụm từ "Đối với trường hợp quy định tại điểm r khoản 4 Điều 84 của Nghị định này, chủ đầu tư ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp theo quy định tại điểm d khoản này mà không phải thực hiện các thủ tục quy định tại điểm a, b, c và đ khoản này." thành cụm từ "Đối với trường hợp quy định tại điểm r và điểm t3 khoản 4 Điều 84 của Nghị định này, chủ đầu tư ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp theo quy định tại điểm d khoản này mà không phải thực hiện các thủ tục quy định tại điểm a, b, c và đ khoản này.".

2. Bãi bỏ cụm từ ", cơ quan thuộc Chính phủ" tại điểm k khoản 4 Điều 84; khoản 1 Điều 89; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 122; điểm a khoản 2 Điều 128; điểm a khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 139; khoản 4 Điều 146.

Chương II
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2019/NĐ-CP NGÀY 10 THÁNG 4 NĂM 2019 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ NGUỒN KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN (ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2025/NĐ-CP NGÀY 22 THÁNG 5 NĂM 2025 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 214/2025/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 8 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ)

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

"1. Dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền giao. Đối với dự toán đặt hàng, phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng.".

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 13a

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

"a) Xác định đơn giá, giá đặt hàng;".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

"c) Xác định đơn giá, giá đặt hàng;".

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 14

"d) Đơn giá, giá đặt hàng do cơ quan có thẩm quyền ban hành trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) hoặc các hình thức định giá khác theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ đặt hàng cấp bách cần triển khai ngay, trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng, các cơ quan, đơn vị được ký hợp đồng tối đa bằng 90% giá trị đặt hàng tính theo giá thực hiện năm gần nhất hoặc 90% dự toán được cấp có thẩm quyền giao (chỉ áp dụng trong trường hợp thực hiện lần đầu).

Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng, các cơ quan, đơn vị điều chỉnh hợp đồng, thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng, nộp ngân sách nhà nước phần chênh lệch lớn hơn (nếu có) giữa hợp đồng đã ký kết và hợp đồng điều chỉnh.".

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Dự toán được cấp có thẩm quyền giao đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Đối với dự toán đặt hàng, phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

"3. Đơn giá, giá đặt hàng; mức trợ giá. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ công ích có thu phí thì theo mức thu phí do Nhà nước quy định.".

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18a

"3. Xác định đơn giá, giá đặt hàng.".

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 19

"c) Giá, đơn giá, mức trợ giá. Trong đó: giá, đơn giá đặt hàng do cơ quan có thẩm quyền ban hành trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) hoặc các hình thức định giá khác theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ đặt hàng cấp bách cần triển khai ngay, trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị được ký hợp đồng tối đa bằng 90% giá trị đặt hàng tính theo giá thực hiện năm gần nhất hoặc 90% dự toán được cấp có thẩm quyền giao (chỉ áp dụng trong trường hợp thực hiện lần đầu).

Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị điều chỉnh hợp đồng, thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng, xác định mức trợ giá theo quy định, nộp ngân sách nhà nước phần chênh lệch lớn hơn (nếu có) giữa hợp đồng đã ký kết và hợp đồng điều chỉnh.".

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 26

"b) Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) của các lĩnh vực đã được các bộ, cơ quan trung ương ban hành để áp dụng tại địa phương. Trường hợp đối với những danh mục sản phẩm, dịch vụ công các bộ, cơ quan trung ương chưa ban hành hoặc không ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) hoặc ban hành không phù hợp với thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đối với sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý để thực hiện phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Ban hành, sửa đổi, bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.".

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với Nghị định số 32/2019/NĐ-CP:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Đối với sản phẩm, dịch vụ công đã có quyết định đặt hàng, ký hợp đồng đặt hàng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP) cho đến khi hoàn thành thanh toán, quyết toán kinh phí đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;

b) Việc đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên đã được giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (bao gồm dự toán năm trước được chuyển nguồn sang năm 2026, dự toán được bổ sung năm 2026) nhưng chưa có quyết định đặt hàng, chưa ký hợp đồng đặt hàng thì cơ quan đặt hàng được quyết định việc tiếp tục áp dụng theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP) hoặc quy định tại Nghị định này;

c) Đối với định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Đối với Nghị định số 214/2025/NĐ-CP:

a) Gói thầu đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, gửi dự thảo hợp đồng đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết, quản lý thực hiện hợp đồng và giải quyết kiến nghị theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15), Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ và Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ), các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và được áp dụng quy định tại Điều 16 của Nghị định này;

b) Đối với gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, dự thảo hợp đồng đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn và có nội dung không phù hợp với quy định của Nghị định này thì chủ đầu tư được điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt để thực hiện theo quy định của Nghị định này;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Đối với gói thầu mua vắc xin sản xuất trong nước quy định tại điểm b khoản 4 Điều 84 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ và Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ) mà chủ đầu tư đã ký hợp đồng với nhà sản xuất vắc xin trong nước theo quy định tại khoản 3 Điều 85 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ và Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ) trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì chủ đầu tư và nhà sản xuất vắc xin trong nước được điều chỉnh hợp đồng đã ký và thực hiện việc thanh toán, định giá theo cơ chế quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). 14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn